TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2021
V/v: Ly hôn giữa bà Duyên và ông Anh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thao.

2. Ông Lưu Việt Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 24-12-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-12-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

"Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt".

Bị đơn: Ông Triệu Phú A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

"Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2021, tại bản tự khai nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D và ông Triệu Phú A kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 11-11-1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Triệu Phú A thường xuyên rượu chè , cờ bạc. Gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được . Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10 năm 2021. Bà Dương Thị D xác định tình cảm vợ chồng với ông Triệu Phú A không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà Dương Thị D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Triệu Quý Ph, sinh ngày 20-10-1993 và Triệu Thị Ph, sinh ngày 11-01-1996. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19-11-2021, bị đơn ông Triệu Phú A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Phú A và bà Dương Thị D kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 11-11-1993. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông Triệu Phú A xác định tình cảm vợ chồng với bà Dương Thị D không còn, bà Dương Thị D xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông Triệu Phú A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Triệu Quý Phiến, sinh ngày 20-10-1993 và Triệu Thị Phương, sinh ngày 11-01-1996. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Triệu Phú A không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị D, bị đơn ông Triệu Phú A đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục hòa giải: Ngày 19/11/2021, ông Triệu Phú A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị D và ông Triệu Phú A có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 11-11-1993 là hôn hợp nhân pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Dương Thị D và ông Triệu Phú A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ để bà Dương Thị D được ly hôn ông Triệu Phú A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà Dương Thị D và ông Triệu Phú A cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Triệu Quý Phiến, sinh ngày 20-10-1993 và Triệu Thị Phương, sinh ngày 11-01-1996. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Dương Thị D và ông Triệu Phú A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Dương Thị Dphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Dđược ly hôn ôngTriệu Phú A

2. Về án phí: Bà Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001790 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 29-10-2021.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Mai Hằng